

Bản án số: 101/2017/HS-PT
Ngày: 20-3-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Ông Đặng Bảo Vĩnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Tư Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 839/2016/TLHS-PT ngày 25/10/2016 đối với bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T bị xét xử sơ thẩm về tội *Mua bán người*. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Phạm Ngọc H, sinh năm 1983; ĐKNKTT và cư trú tại thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Phạm Văn C và bà Hoàng Thị L; vợ Hoàng Thúy G; có 02 con (đều sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2016; có mặt.

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986; ĐKNKTT và cư trú tại thôn K, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn S và bà Lương Thị H; vợ Hoàng Thị K; có 02 con (sinh năm 2006 và sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 03/01/2016; có mặt.

Nhân thân: Ngày 23/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

* *Người bị hại không kháng cáo:* Chị Lương Thị L, sinh năm 1990; cư trú tại thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

* *Nguyên đơn dân sự không kháng cáo:* Bà Cao Thị M (mẹ chị Lương Thị L), sinh năm 1953; cư trú tại thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Phạm Ngọc H sang Trung Quốc có quen biết Nông Văn D. D nói H “Xem ở Việt Nam có phụ nữ nào chưa có chồng thì đưa sang Trung Quốc bán”, H đồng ý về Việt Nam và nói cho Nguyễn Thanh T biết. Cuối tháng 6/2013, H và T thông qua Quách Thị V đã gặp làm quen với chị Lương Thị L là người đang làm thuê trông coi trẻ con cho làng xóm của V. H bàn với T tán tỉnh yêu đương L rồi tìm cách lừa bán L sang Trung Quốc. Sau đó, T thường xuyên điện thoại và đặt vấn đề yêu L để tạo niềm tin. Ngày 11/8/2013, H gọi điện hỏi T đã đưa L đi Trung Quốc được chưa, T trả lời được rồi nhưng không có xe, H nói “Cứ đi xe nhờ đến ngã ba xã Minh Sơn, huyện H thì có xe”. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, T bảo L đi đến địa điểm trước cổng trạm y tế xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để cùng H lên Lạng Sơn chơi. L nhận lời và đến chỗ đã hẹn chờ khoảng 05 phút sau thì H đi xe máy đèo T đến đón L lên Lạng Sơn. Cả ba người cùng đi ra ngã ba M, H bảo T đưa L lên xe ô tô khách về Lạng Sơn trước, còn H chờ D đi xe máy đến đèo H lên Lạng Sơn sau. Đến 22 giờ 30’ cùng ngày, T đi xe khách đưa L đến chợ Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, vào một quán nước chờ, khoảng 30 phút sau thì thấy H đi xe máy đèo D đến. D đưa mọi người đến ngã ba Mỹ Sơn, thành phố Lạng Sơn thuê nhà trọ ngủ. Khoảng 08 giờ ngày 12/8/2013 trong khi ăn sáng, D nói với H và T là chờ đến 11 giờ thì mới đưa L sang Trung Quốc được. Do T chưa sang Trung Quốc lần nào nên không biết đường đi, H bảo T đi cùng D, còn H đưa L đi đường liên xã Thanh Lòa, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đến nhà dân ở gần biên giới Việt Nam, Trung Quốc chờ H và D. Sau đó, D đưa T, H, L đi theo đường mòn sang Trung Quốc. D gọi điện thoại cho người Trung Quốc đến đón và đưa mọi người đi vào nhà ăn cơm tối. Đến hôm sau, D thuê ô tô 07 chỗ ngồi chở H, T, L đến gặp người Trung Quốc, cả 4 người H, T, D và L ngủ tại nhà người này. Khoảng 09 giờ ngày 13/8/2013, người Trung Quốc đi xe ô tô đến và bảo H, T, D, L lên xe đi được khoảng 01 km thì dừng lại, D và người Trung Quốc xuống xe nói chuyện được khoảng 30 phút thì quay lại lên xe, D bảo T nói với L đi cùng người Trung Quốc về nhà để lấy quần áo, còn D, T và H xuống xe đón xe khách về Việt Nam. Do L không biết

mình bị bán nên đi theo người đàn ông Trung Quốc, về đến nhà, người đàn ông Trung Quốc nói với L về việc đã mua L từ D.

D, H, T sau khi xuống xe đã đón xe ô tô khách quay về Việt Nam. Tại ngã ba Mỹ Sơn, thành phố Lạng Sơn, D đổi tiền bán L từ đồng nhân dân tệ sang tiền Việt Nam, chia cho H 4.500.000đ; T số tiền 5.500.000đ, còn D giữ lại bao nhiêu tiền bán chị L chưa được làm rõ (vì chưa lấy được lời khai của D). Khoảng 02 tháng sau, D gọi điện cho người đàn ông Trung Quốc bảo mua vé xe ô tô khách cho chị L đi đến bến xe tỉnh Quảng Đông gặp D. Tại đây, D đưa chị L vào một quán Massage để học nghề, sau một tuần D lại tiếp tục bán L cho người Trung Quốc khác có tên là Châu Quế S ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc, được 1,8 vạn NDT. L ăn ở với S người Trung Quốc như vợ chồng cho đến ngày 01/01/2016 S cho L về Việt Nam để thăm gia đình. Sau khi về Việt Nam, ngày 02/01/2016, Lương Thị L đến Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn tố cáo sự việc bị D, H, T lừa bán sang Trung Quốc.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 06/2016/TD ngày 04/3/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Căn cứ kết quả khám lâm sàng, chuyên khoa và cận lâm sàng tại thời điểm giám định cho phép, kết luận: Lương Thị L, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn: Tinh thần tỉnh táo, tiếp xúc tốt, gọi hỏi trả lời chính xác; Trên thân thể bình thường; Thăm khám âm hộ bình thường, màng trinh rách cũ vị trí 06 giờ. Âm đạo ngắn, tịt. Thăm âm đạo không có tử cung.

Đối với Nông Văn D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã khởi tố bị can và ra lệnh truy nã về tội Mua bán người, khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Đối với đối tượng ông chủ chặt mía bên Trung Quốc và Châu Quế S người ở Quảng Đông, Trung Quốc do điều kiện lãnh thổ, Cơ quan điều tra không có thẩm quyền tiến hành điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2016/HSST ngày 07/9/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định: ***Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T phạm tội “Mua bán người”.***

Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2016. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc H 5.000.000đ sung công quỹ Nhà nước. Truy thu bị cáo Phạm Ngọc H: 4.500.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53, Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 08 (Tám) tù.

Tổng hợp với 01 năm tù giam tại Bản án số 12/2016/HSST ngày 23/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2016. Truy thu bị cáo Nguyễn Thanh T: 5.500.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 606; Điều 611; khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T phải liên đới bồi thường cho người bị hại chị Lương Thị L các khoản tiền về tổn thất danh dự, nhân phẩm; thu nhập bị mất, tổng số tiền là 99.500.000đ, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho người bị hại chị Lương Thị L số tiền là 49.750.000đ. Bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T phải liên đới bồi thường cho bà Cao Thị M là đại diện gia đình người bị hại khoản tiền công và chi phí tìm kiếm chị Lương Thị L là 104.000.000đ, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 52.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về việc xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/9/2016, bị cáo Phạm Ngọc H kháng cáo xin giảm hình phạt và giảm bồi thường (BL 300,309).

Ngày 21/9/2016, bị cáo Nguyễn Thanh T kháng cáo xin giảm hình phạt (BL 306).

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T đã khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt tại phiên tòa. Do cần tiền nên các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc lừa chị Lương Thị L sang Trung Quốc bán đến sau này chị L mới có cơ hội quay về Việt Nam. Cả hai bị cáo đề nghị giảm hình phạt vì cho rằng mức hình phạt quá nặng, riêng bị cáo H cho rằng cả mức bồi thường Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là quá cao.

Ngoài hành vi trên, chị Lương Thị L còn tố cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn với chị L trước khi chị bị bán cho người Trung Quốc. Tài liệu trong hồ sơ có thể hiện và tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T công nhận mình có hành vi giao cấu trái ý muốn với chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình và tiết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và giảm bồi thường của các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện lời khai của bị cáo, lời trình bày của những người tham gia tố tụng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai của các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với lời khai người bị hại Lương Thị L; phù hợp với kết quả khám lâm sàng tại thời điểm giám định pháp y nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 11/8/2013, Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T đã dụ dỗ đưa chị Lương Thị L sang Trung Quốc giao cho đối tượng tên là D bán chị L làm vợ cho người đàn ông Trung Quốc lấy 10.000.000 đồng chia nhau. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định Hành vi của các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T phạm tội Mua bán người, quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự, như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết cho các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử có nhận xét như sau:

Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết định khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo T 08 năm tù, bị cáo H 7 năm tù là tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết mới giảm nhẹ nào khác, nên không có căn cứ giảm hình phạt cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các quy định của pháp luật để ấn định mức bồi thường và xác định trách nhiệm dân sự của các bị cáo là có cơ sở, phù hợp điều kiện sinh hoạt thực tế tại địa phương. Do đó, kháng cáo về nội dung trên không được chấp nhận.

Trên cơ sở tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị xem xét việc các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi giao cấu trái ý muốn với chị Lương Thị L trước khi chị bị bán cho người Trung Quốc có dấu hiệu của tội Hiếp dâm quy định tại Điều 112 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2016/HSST ngày 07/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. **Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T phạm tội “Mua bán người”.**

- Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2016. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước. Truy thu bị cáo Phạm Ngọc H: 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53, Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T **08 (Tám)** năm tù. Tổng hợp với 01 năm tù giam tại Bản án số 12/2016/HSST ngày 23/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **09 (Chín)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2016. Truy thu bị cáo Nguyễn Thanh T: 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 606; Điều 611; khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự. Buộc:

Các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại chị Lương Thị L các khoản tổn thất danh dự, nhân phẩm; thu nhập bị mất, tổng số tiền là 99.500.000 đồng (Chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng), chia kỷ phần cho mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Lương Thị L 49.750.000đ (Bốn mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho bà Cao Thị M là đại diện của gia đình người bị hại tiền công và chi phí tìm kiếm chị Lương Thị L 104.000.000đ (Một trăm linh tư triệu đồng), chia kỷ phần cho mỗi bị cáo phải bồi thường 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng).

Các bị cáo Phạm Ngọc H và Nguyễn Thanh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại HN;
- TAND – VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu, HS, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Quang